

Số: 45/2024/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 12 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn I, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Trần Đức H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Trần Đức H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung và trách nhiệm nuôi dưỡng: Bà Lê Thị T và ông Trần Đức H công nhận có 01 con chung là Trần Đức T1, sinh ngày 20/11/2023.

Giao cháu T1 cho bà T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 7.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 tháng 2024.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà **T** và ông **H** đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà **T** và ông **H** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà **T** tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007753 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Bà **T** đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đức Cơ;
- UBND xã Ia Kla;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lại Hùng Hưng